

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ QUANG MINH**

Số: 11 /TB-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quang Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2022

THÔNG BÁO

**Công khai quyết toán năm 2021 đã được HĐND xã kỳ họp thứ 3
nhiệm kỳ 2021 -2026 phê chuẩn**

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách; Văn bản số 3949/BTC-NSNN ngày 5/4/2018 của Bộ Tài chính về việc thực hiện công khai ngân sách theo quy định của Luật NSNN 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND xã về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách xã Quang Minh năm 2021;

Xét đề nghị của Công chức Tài chính – Kế toán xã về việc thông báo công khai tình hình quyết toán các dự án hoàn thành năm 2021.

Ủy ban nhân dân xã Quang Minh thông báo công khai tình hình quyết toán các dự án hoàn thành năm 2021 (Có biểu số liệu kèm theo).

- Hình thức công khai:

- + Niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Quang Minh.
- + Thông báo trên hệ thống loa truyền thanh xã,
- + Đăng tải lên trang thông tin điện tử của xã.

- Thời gian công khai: Từ ngày 15/7/2022 đến ngày 14/8/2022

Ủy ban nhân dân xã Quang Minh thông báo để các tổ chức, cá nhân có liên quan được biết./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Trưởng ban đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Hữu Biên

BÁO CÁO CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Đã được kỳ họp thứ 03 - HĐND xã khóa XXII, nhiệm kỳ 2021 - 2026 phê chuẩn)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung thu	Quyết toán	Nội dung chi	Quyết toán
Tổng số thu	12.828.088.125	Tổng số chi	12.714.591.725
I- Các khoản thu xã hưởng 100%	270.295.637	I- Chi đầu tư phát triển	6.532.860.478
II- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	3.847.850.310	II- Chi thường xuyên	5.468.279.463
III- Thu bổ sung	4.156.542.000	III- Chi chuyển nguồn sang năm sau	713.451.784
1- Bổ sung cân đối	3.584.100.000	IV- Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
2- Bổ sung có mục tiêu	572.442.000		
IV - Thu kết dư ngân sách năm trước			
V- Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	4.553.400.178		
Kết dư ngân sách			113.496.400

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Đã được kỳ họp thứ 03 - HĐND xã khóa XXII, nhiệm kỳ 2021 - 2026 phê chuẩn)

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN NĂM 2021	THỰC HIỆN NĂM 2021	SỐ SÁNH TH/DT%
	<u>TỔNG THU</u>	<u>23.224.400.000</u>	<u>12.828.088.125</u>	<u>55,24</u>
<u>I</u>	<u>Các khoản thu 100%</u>	<u>88.000.000</u>	<u>4.823.695.815</u>	<u>5.481,47</u>
	- Thu phí và lệ phí	18.000.000	16.598.000	92,21
	- Thu từ quỹ đất công ích và HLCS	30.000.000	57.145.000	190,48
	- Thu hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất			
	- Đóng góp của nhân dân theo qui định			
	- Thu phạt theo quy định		55.550.000	
	- Thu đóng góp của nhân dân		16.600.000	
	- Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước		4.553.400.178	
	- Thu khác	40.000.000	124.402.637	311,01
<u>II</u>	<u>Các khoản thu theo tỷ lệ %</u>	<u>19.230.000.000</u>	<u>3.847.850.310</u>	<u>20,01</u>
	- Thuế chuyển quyền sử dụng đất			
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	80.000.000	83.572.937	104,47
	- Thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	30.000.000	29.900.000	99,67
	- Thuế thu nhập cá nhân	424.000.000	382.442.312	90,20
	- Thuế tiền sử dụng đất	18.000.000.000	2.691.863.500	14,95
	- Thu lệ phí trước bạ nhà, đất	400.000.000	183.284.503	45,82
	- Thuế VAT + TNDN	296.000.000	476.787.058	161,08
<u>III</u>	<u>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</u>	<u>3.906.400.000</u>	<u>4.156.542.000</u>	<u>106,40</u>
1	Thu bổ sung để cân đối chi TX	3.584.100.000	3.584.100.000	100,00
2	Thu bổ sung theo mục tiêu	322.300.000	572.442.000	177,61
IV	VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI TRỰC TIẾP CHO XÃ			



BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Đã được ký họp thứ 03 - HĐND xã khóa XXII, nhiệm kỳ 2021 - 2026 phê chuẩn)

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN NĂM 2021	THỰC HIỆN NĂM 2021	SỐ SÁNH TH/DT%
	Tổng chi	23.340.400.000	12.714.591.725	54,47
I	Chi đầu tư phát triển	18.000.000.000	6.532.860.478	36,29
1	Chi đầu tư XDCB	18.000.000.000	6.532.860.478	36,29
	* Trường học	12.200.000.000	2.175.212.490	17,83
	* Y tế		254.344.000	
	* Giao thông	5.000.000.000	2.397.932.500	47,96
	* Thủy lợi		218.390.000	
	* Văn hóa		1.084.613.988	
	* Trụ sở UBND	800.000.000	402.367.500	50,30
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	5.340.400.000	5.468.279.463	102,39
1	- Chi Quốc phòng	184.900.000	233.961.000	126,53
2	- Chi An ninh	103.400.000	103.310.000	99,91
2	- Chi sự nghiệp giáo dục	10.100.000	15.100.000	149,50
3	- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, TT	819.000.000	838.993.000	102,44
4	- Chi SN phát thanh, truyền thanh	32.993.000	32.458.000	98,38
6	Chi sự nghiệp thể dục, thể thao	20.000.000	2.200.000	11,00
6	Chi sự nghiệp Y Tế			
7	- Chi sự nghiệp kinh tế	73.020.000	90.619.000	124,10
	* SN giao thông	16.960.000	19.999.000	117,92
	* SN Nông nghiệp, thủy lợi	20.760.000	30.620.000	147,50
	* SN Bảo vệ môi trường	35.300.000	40.000.000	113,31
	* SN Thị chính			
8	- Chi sự nghiệp xã hội	279.900.000	278.040.000	99,34
	- Hưu và trợ cấp khác	224.152.000	223.196.000	99,57
	- Chi khác	55.748.000	54.844.000	98,38
9	Chi quản lý NN, Đảng, đoàn thể	3.817.087.000	3.856.598.463	101,04
9.1	- Quản lý Nhà nước + HĐND	2.195.252.000	2.240.436.600	102,06
9.2	- Chi hoạt động Đảng	703.017.000	732.504.200	104,19
9.3	- Mặt trận Tổ quốc	370.767.000	372.086.400	100,36
9.4	- Đoàn thanh niên CSHCM	98.000.000	96.702.963	98,68
9.5	- Hội phụ nữ Việt Nam	160.000.000	160.104.900	100,07
9.6	- Hội CCB Việt Nam	128.367.000	128.333.600	99,97
9.7	- Hội Nông dân Việt Nam	133.684.000	126.429.800	94,57
10	Tiết kiệm chi 10% chi thường xuyên	28.000.000	17.000.000	60,71
11	Chi cải cách tiền lương			
12	Chi dự phòng			
III	Chi chuyển nguồn sang năm 2021		713.451.784	